

Số: 01/2018/QĐST-KDTM

Phù Cù, ngày 26 tháng 01 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2017/TLST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2017.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q VN (*tên viết tắt: Công ty Q*). Địa chỉ: Phố H, phường L, quận H, Tp H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng N. Địa chỉ: Phố L, phường T, quận B, Tp H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên. (*Văn bản ủy quyền số: 3693/2017/UQ5 ngày 31/3/2017*)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Ngô Đức T, Chức vụ: Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N Chi nhánh huyện P. (*Văn bản ủy quyền số: 01/QĐ/UQ ngày 11/5/2017*). Địa chỉ: Thị trấn V, huyện T, tỉnh H.

- Bị đơn: Bà Doãn Thị T1, sinh năm 1974;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Huy H, sinh năm 1971;

Đều cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H. (*Bà T1 đại diện cho ông H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2018*).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 17/01/2018, vợ chồng bà Doãn Thị T1, ông Bùi Huy H còn nợ Công ty Q là 1.020.835.300 đồng (*Một tỷ, không trăm hai mươi triệu, tám trăm ba lăm nghìn, ba trăm đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 2411LAV201400606 ngày 14/3/2014, trong đó: tiền nợ gốc là 688.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 332.835.300 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ và thời hạn trả nợ: Vợ chồng bà T1, ông H có nghĩa vụ trả nợ Công ty Q theo phương thức cụ thể như sau:

- Đối với số tiền nợ gốc 688.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*):

Kể từ tháng 03/2018 đến tháng 02/2019, mỗi tháng vợ chồng bà T1, ông H có nghĩa vụ trả Công ty Q 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), vào ngày 15 hàng tháng.

Kể từ tháng 03/2019 đến tháng 10/2025, mỗi tháng vợ chồng bà T1, ông H có nghĩa vụ trả Công ty Q 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), vào ngày 15 hàng tháng.

- Đối với số tiền nợ lãi: Hạn cuối cùng là ngày 15/03/2026, vợ chồng bà T1, ông H có nghĩa vụ trả Công ty Q số tiền nợ lãi là 332.835.300 đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/01/2018 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2411LAV201400606 ngày 14/3/2014 và các văn bản điều chỉnh lãi suất theo quy định tính đến thời điểm trả hết số tiền nợ gốc.

2.3. Về tài sản đảm bảo: Quá trình trả nợ, nếu vợ chồng bà T1, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng thì Công ty Q có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 092014/DTT ngày 03/9/2014 đối với diện tích 105,7m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 34; nhà xây 3 tầng, diện tích xây dựng 50m<sup>2</sup> tại thôn Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên để thu hồi đối với toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi.

2.4. Về án phí:

- Công ty Q tự nguyện chịu 10.656.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền 20.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005521 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, hoàn trả Công ty Q (*do ông Ngô Đức T đại diện*) số tiền 9.344.000 đồng.

- Vợ chồng bà T1, ông H tự nguyện chịu 10.656.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Phù Cừ;
- Chi Cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***Nguyễn Duy Phượng***